


**A. MẪU ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM</b> <b>KHOA LUẬT DÂN SỰ</b> <b>BỘ MÔN LUẬT DÂN SỰ</b>
---	--

**PHÂN TÍCH, BÌNH LUẬN VÀ TỔNG HỢP THÔNG QUA NGHIÊN CỨU VỀ CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ**

Loại học phần:	Số tín chỉ: 02
<input type="checkbox"/> 1. Khối kiến thức chung	Số tiết học: 30
<input checked="" type="checkbox"/> 2. Khối kiến thức cơ sở bắt buộc	▪ Lý thuyết: 30
<input type="checkbox"/> 3. Khối kiến thức cơ sở tự chọn	▪ Thảo luận/thực hành:
<input type="checkbox"/> 4. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc	
<input type="checkbox"/> 5. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn	
Giảng dạy cho chương trình đào tạo:	TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ
Học phần tiên quyết	Cá nhân – chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, Phương pháp nghiên cứu khoa học
Các yêu cầu khác:	Có thái độ học tập tốt, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm

**1. Mô tả học phần**

Cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản để nghiên cứu và thực hiện luận án tiến sĩ, gồm: Kỹ năng phân tích, bình luận, tổng hợp thông qua nghiên cứu chế định cụ thể về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự.

**2. Mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra**

- Có những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự;
- Có khả năng phân tích, bình luận, tổng hợp văn bản pháp luật, bản án-quyết định của Tòa án cũng như giải quyết các tình huống pháp lý kết hợp lý luận và thực tiễn.

**Chuẩn đầu ra:**

<b>Sau khi hoàn thành Học phần, nghiên cứu sinh có thể<sup>1</sup>:</b>	
<b>Về Kiến thức</b>	
[CLO1]	Nhớ những kiến thức cơ bản về chủ thể quan hệ pháp luật dân sự
[CLO2]	Nhớ những kiến thức cơ bản về kỹ năng phân tích, bình luận, tổng hợp
[CLO3]	Hiểu thế nào là phân tích, bình luận, tổng hợp, giải quyết các vụ việc trên thực tế liên quan đến cá nhân, pháp nhân
[CLO4]	Liên kết được những quy định chung của luật dân sự với từng quan hệ dân sự cụ thể.
<b>Về kỹ năng</b>	
[CLO5]	Phát hiện ra những điểm bất cập, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật dân sự; đưa ra chính kiến, nhận xét cá nhân và hướng hoàn thiện.
[CLO6]	Nâng cao kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu.
[CLO7]	Tập luyện kỹ năng bình luận, thuyết trình trước công chúng; đàm phán để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật dân sự
[CLO8]	Nhận thức được vai trò quan trọng của luật dân sự đối với đời sống.
[CLO9]	Nâng cao kỹ năng giải quyết vụ việc thực tiễn
<b>Về thái độ</b>	
[CLO10]	Hiểu và tôn trọng sự tự do ý chí và sự bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự.
[CLO11]	Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu tài liệu tại nhà

**Bảng 1. Ma trận tích hợp Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO<sup>2</sup>)**

CĐR HP	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT-PLO														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

<sup>1</sup> CLO-Course Learning Outcomes-CĐR của học phần. **Quy ước:** Số lượng CLO ấn định là 15 và rải đều trên 3 nhóm CĐR như PLO của Chương trình đào tạo cử nhân Luật.

<sup>2</sup> PLO-Program Learning Outcomes-CĐR của Chương trình đào tạo: chỉ cần ghi ký hiệu của CĐR theo danh mục CĐR của Chương trình đào tạo cử nhân Luật đã được ban hành.

[mặc dù rất hiếm khi xảy ra], Nếu có tình trạng 1 CLO đáp ứng nhiều PLO, các thầy cô tự động thêm dòng, điền nội dung CLO và điền thông tin.]

<b>CLO 1</b>	$I^3$													
<b>CLO 2</b>			3											
<b>CLO 3</b>				4										
<b>CLO 4</b>						6								
<b>CLO 5</b>						6								
<b>CLO 6</b>							7							
<b>CLO 7</b>							7							
<b>CLO 8</b>								8						
<b>CLO 9</b>								8						
<b>CLO 10</b>									9					
<b>CLO 11</b>										10				

### 3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Phương pháp phân tích

1.1 Khái niệm, ý nghĩa

1.2 Đối tượng của phương pháp

1.3 Các bước thực hiện

1.4 Một số kỹ năng cụ thể

Chương 2: Phương pháp bình luận

2.1 Khái niệm, ý nghĩa

2.2 Đối tượng của phương pháp

2.3 Các bước thực hiện

2.4 Một số kỹ năng cụ thể

Chương 3: Phương pháp tổng hợp

3.1 Khái niệm, ý nghĩa

3.2 Đối tượng của phương pháp

3.3 Các bước thực hiện

3.4 Một số kỹ năng cụ thể

Chương 4: Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự - Vấn đề cụ thể

4.1 Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về quyền nhân thân

---

<sup>3</sup> Cần nêu rõ mức độ của PLO mà CLO được phân công đáp ứng. *Quy ước* theo thang Blom

4.2 Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân

4.3 Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về giám hộ

4.4 Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về điều kiện công nhận pháp nhân

#### **4. Tài liệu phục vụ học phần**

- *Các văn bản pháp luật có liên quan tới môn học*, gồm:

+ Bộ luật Dân sự năm 2015

- **Các tài liệu tham khảo (không bắt buộc)**

1. Đỗ Văn Đại – Đào Thị Nguyệt, Hậu quả pháp lý của việc xác định lại giới tính trong pháp luật Việt Nam, tạp chí Tòa án nhân dân, T.12/2010.
2. Đỗ Văn Đại, “Bàn về hợp đồng vô hiệu do được giao kết bởi người bị mất năng lực hành vi dân sự qua một vụ án”, tạp chí khoa học pháp lý số 4/2007.
3. Đỗ Văn Đại – Nguyễn Anh Thu, “Vấn đề bảo hộ người mất năng lực hành vi dân sự”, tạp chí khoa học pháp lý, số 5.2011.
4. Đỗ Văn Đại – Nguyễn Trương Tín, “Tự do báo chí và vấn đề bảo vệ nhân phẩm, danh dự, uy tín của cá nhân”, tạp chí khoa học pháp lý số 3/2011.
5. Nguyễn Ngọc Điện, Chuyên khảo luật dân sự - Chủ thể quan hệ pháp luật, NXB Tư pháp, 2009.
6. Nguyễn Ngọc Điện, Phương pháp phân tích luật viết
7. Nguyễn Ngọc Điện, Chủ thể của luật dân sự
8. Nguyễn Ngọc Điện, “Quyền chủ thể, đặc quyền và quyền ưu tiên”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp – 4/2005;
9. Nông Thanh Điệp, “Ý kiến về bài *Có thể tuyên bố mất tích đối với người đang có lệnh truy nã?*” tạp chí Tòa án nhân dân 4/2009.
10. Vân Hà, “Quyền về tài sản và quyền thừa kế của người chưa thành niên”, Tạp chí toà án nhân dân, số 4/1999;
11. Lê Hồng Hải, “Xác định thời điểm chết trong trường hợp tuyên bố một người đã chết theo quy định của pháp luật dân sự”, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số 9/2004;
12. Lê Thị Hằng, “Xác định ngày chết của ông B”, tạp chí Tòa án nhân dân T.8/2010.
13. Bùi Đức Hiền, “Bộ phận cơ thể và hiến xác của cá nhân”, chuyên đề dành cho đề tài khoa học cấp trường đại học luật Hà Nội năm 2011;

14. Bùi Đức Hiền, “Hoàn thiện hơn nữa luật hiến, lấy ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác”, tạp chí nghiên cứu lập pháp số 4/2008;
15. Bùi Đăng Hiếu, Khái niệm và phân loại quyền nhân thân, tạp chí luật học số tháng 7/2009;
16. Hoàng Mạnh Hùng – “Những vướng mắc khi xác định thời điểm của một người bị tuyên bố là đã chết (theo điểm a khoản 1 điều 81 BLDS)”, tạp chí Tòa án nhân dân 4/2009.
17. Nguyễn Mạnh Hùng – Trần Thị Thu Hà – Mai Thị Lâm, “Quyền dân sự với việc sửa đổi bổ sung hiến pháp 1992“, tạp chí Nghiên cứu lập pháp 6/2013.
18. Nguyễn Mạnh Hùng, “Khái quát về các quyền dân sự của công dân trong lịch sử lập hiến Việt Nam và những đánh giá đề xuất liên quan đến việc quy định và thực thi các quyền dân sự”, tạp chí khoa học pháp lý 3/2013.
19. Nguyễn Thị Hương, “Về bài viết *có thể tuyên bố mất tích đối với người đang có lệnh truy nã?*” tạp chí Tòa án nhân dân 4/2009.
20. Ngô Quang Liễn, “Những quy định mới, những điểm mới được bổ sung về quyền nhân thân trong BLDS năm 2005”, Tạp chí kiểm sát, số 02/2006;
21. Trương Duy Lợi, “Một vài vấn đề giám hộ”, Tạp chí toà án nhân dân, số 20/2006;
22. Nguyễn Thế Lục, “Trao đổi bài viết *Một số ý kiến về khoản 1 điều 80 BLDS và hệ quả của việc tòa án giải quyết vụ việc dân sự*”, tạp chí Tòa án nhân dân 7/2011.
23. Nguyễn Đức Mai, “Chế độ giám hộ đối với người chưa thành niên”, Tạp chí toà án nhân dân, số 10/1999;
24. Lê Đình Nghị, “Các quy định về cá nhân trong BLDS”, Tạp chí luật học, số Đặc san 11/2003;
25. Phạm Duy Nghĩa, Phương pháp nghiên cứu luật học
26. Nguyễn Như Phát, “Cá nhân - chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự”, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 3/1998;
27. Nguyễn Thị Hoài Phương, “Bàn về năng lực hành vi dân sự của cá nhân: từ tuổi đã thành niên đến tuổi kết hôn của nam giới”, báo Sài gòn tiếp thị
28. Nguyễn Xuân Quang, “Một số vấn đề về tuyên bố cá nhân chết theo quy định của BLDS”, Tạp chí khoa học pháp lý, số 2/2000;
29. Trương Hồng Quang, “Người chuyển giới tại Việt Nam dưới góc nhìn pháp lý”, tạp chí Nghiên cứu lập pháp 11/2013.

30. Lý Đức Quỳnh, “Về việc xác định ngày chết của ông B theo quy định của điều 81 BLDS”, tạp chí Tòa án nhân dân 12/2009.
31. Đinh Dũng Sỹ, “Bàn về chủ thể của Luật Dân sự qua quy định về bảo hiểm tiền gửi của các cá nhân ở các tổ chức tín dụng”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật – 2/2005;
32. Phạm Văn Tuyết, “Tuyên bố chết đối với cá nhân và giải quyết hậu quả khi họ còn sống trở về”, Tạp chí luật học, số 2/2000;
33. Trần Ngọc Tú, Một số ý kiến về khoản 1 điều 80 BLDS và hệ quả của việc tòa án giải quyết việc dân sự, tạp chí Tòa án nhân dân 12/2010
34. Nguyễn Thế Vọng, “Về bài *Những vương mắc khi xác định thời điểm của một người bị tuyên bố là đã chết*”, tạp chí Tòa án nhân dân 12/2009.
35. Viện khoa học pháp lý Bộ tư pháp, Bình luận khoa học Bộ luật dân sự, nhà xuất bản chính trị quốc gia, 1/2010.
36. Ban Biên Tập, Những vương mắc khi xác định thời điểm của một người bị tuyên bố là đã chết theo điểm a khoản 1 điều 81 BLDS, tạp chí Tòa án nhân dân 12/2009.
37. Các tài liệu: đề tài nghiên cứu, sách tham khảo, sách bình luận khoa học, các luận án, luận văn thạc sỹ, bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học luật, công trình khoa học khác có liên quan chủ đề môn học.
38. Các bản án, quyết định của TAND các cấp của Việt Nam.

## 5. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học <sup>4</sup>	Nội dung	Cách thức thực hiện <sup>5</sup>
1	Khái quát chung về phương pháp phân tích, bình luận, tổng hợp	Thuyết giảng
2	Phương pháp phân tích	Thuyết giảng

<sup>4</sup> Các GV phân bổ dung lượng bài học theo buổi học sẽ giảng dạy trên thực tế. 1 TC tương đương 15 tiết tín chỉ, 2 tiết TC là 1 ca học. Do vậy, môn có 1TC sẽ có 8 buổi, môn 2TC có 15 buổi, môn 3TC có 23 buổi.

<sup>5</sup> Tham khảo yêu cầu của Điều 4.3 Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019

1. 100% đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp *các phương pháp giảng dạy/học tập* nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các *kỹ năng* thiết yếu, kỹ năng mềm.

2. Tất cả đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động *tự nghiên cứu/tự học* nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng *học tập suốt đời* cho người học.

<b>Buổi học<sup>4</sup></b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cách thức thực hiện<sup>5</sup></b>
3	Phương pháp bình luận	Thuyết giảng
4	Phương pháp tổng hợp	Thuyết giảng + Thảo luận
5	Một số kỹ năng cụ thể	Thuyết giảng + Bài tập nhóm
6	Thảo luận và thuyết trình về các phương pháp phân tích, bình luận, tổng hợp	Thảo luận
7	Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về quyền nhân thân	Thuyết giảng
8	Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân	Thuyết giảng
9	Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân (tiếp theo)	Thuyết giảng + Thảo luận
10	Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về giám hộ	Thuyết giảng + Bài tập nhóm
11	Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về giám hộ (tiếp theo)	Thuyết giảng
12	Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về điều kiện công nhận pháp nhân	Thuyết giảng
13	Phân tích, bình luận, tổng hợp các quy định về điều kiện công nhận pháp nhân (tiếp theo)	Thuyết giảng + Phân tích tình huống thực tiễn
14	Thảo luận và thuyết trình về các nội dung kiến thức đã học	Thuyết trình
15	Ôn tập và kiểm tra	Kiểm tra

## 6. Phương thức đánh giá

Hình thức	Số lượng	Thời điểm	% điểm số	CLO															
				1	2	3	...	10	11	12	13	14	15						
Bài kiểm tra tại lớp	1	KT hỏi đáp trên lớp trong tiết giảng lý thuyết	10													x	x	x	
Thảo luận nhóm	1	Bài tập lớn khi thảo luận	20	x	x	x			x										
Thi cuối khóa	1	Cuối khóa	70	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x				x	x

### 7. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Căn cứ vào các phương thức đánh giá trên, bộ công cụ và tiêu chí đánh giá (Rubrics) cho từng phương thức đánh giá trong học phần bao gồm:

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
<b>Rubric 1:</b> <b>Đánh giá chuyên cần</b>	<b>Dự học trên lớp (50%)</b>	Dự học trên lớp rất đầy đủ: 90-100(%)	Dự học trên lớp đầy đủ: 75-<90(%)	Dự học trên lớp khá đầy đủ: 55-<75(%)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ: 40-<55(%)	Dự học trên lớp quá ít: <40(%)
	<b>Đóng góp tại lớp (50%)</b>	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học là hiệu	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có đóng



Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		hiệu quả.	quả	hiệu quả	hiệu quả	góp tại lớp
<b>Rubric 2:</b> <b>Đánh giá bài tập</b>	<b>Nộp bài tập (20%)</b>	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập khá đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định	Không nộp bài tập
	<b>Trình bày bài tập (30%)</b>	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, thể thức văn bản, logic chặt chẽ; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ	Trình bày đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú)	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng không phù hợp	Không có bài tập
	<b>Nội dung bài tập (50%)</b>	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; lập luận logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu; lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót trong lập luận, kiến thức.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác	Không có bài tập
<b>Rubric 3:</b> <b>Đánh giá báo cáo</b>	<b>Nội dung báo cáo</b>	Hoàn toàn phù hợp với yêu	Phù hợp với yêu cầu; sử	Phù hợp với yêu cầu; sử	Phù hợp cơ bản với yêu	Không có nội dung

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
<b>thuyết trình</b>	<b>(50%)</b>	câu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video và giải thích cụ thể kiến thức trên video/bản trình chiếu	dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video/bản trình chiếu	dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng	câu; hình ảnh minh họa và giải thích chưa rõ ràng	hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu
	<b>Trình bày slide (25%)</b>	Slide trình bày có bố cục 3 phần (giới thiệu, phần chính, kết luận) rõ ràng, hợp logic; thuật ngữ được sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện được sự thuần thực trong trình bày và sử dụng ngôn ngữ	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic; thể hiện được sự thuần thực trong trình bày	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic	Slide trình bày có số lượng thích hợp; sử dụng từ và hình ảnh tương đối rõ ràng	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định
	<b>Thuyết</b>	Phần trình bày	Phần trình bày	Phần trình bày	Phần trình bày	Phần trình bày

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	<b>trình (25%)</b>	rất súc tích, có bố cục rõ ràng; âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm giọng rõ ràng, lưu loát; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	theo bố cục rõ ràng; âm giọng vừa phải, dễ nghe; đôi lúc tương tác và người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	bày đầy đủ; âm giọng thấp, một số từ không rõ; sử dụng từ còn phức tạp; chưa có tương tác; thời gian trình bày chưa đúng quy định	bày không logic; sử dụng từ không đúng, âm giọng thấp, không rõ; người nghe không hiểu; vượt quá thời gian quy định
<b>Rubric 4: Đánh giá báo cáo báo cáo</b>	<b>Nội dung báo cáo (60%)</b>	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; lập luận chi tiết, rõ ràng, hợp lý, có logic chặt chẽ; kết quả lập luận chính xác, được phân tích, giải thích hoàn toàn thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận chính xác nhưng giải thích thiếu cụ thể, ít thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần chưa hợp lý; kết quả lập luận có chỗ chưa chính xác, giải thích không thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần không hợp lý; kết quả lập luận không cụ thể, nhiều chỗ sai, giải thích không thuyết phục	Không có nội dung hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không đúng yêu cầu

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	<b>Thuyết minh báo cáo (20%)</b>	Có nội dung hoàn toàn phù hợp; cấu trúc logic chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng rất thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	Có nội dung khá phù hợp; cấu trúc logic khá chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng khá thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	Có nội dung và trình tự trình bày phù hợp; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú chưa đầy đủ; còn một số lỗi về trình bày và chính tả; sử dụng được máy tính khi trình bày	Có nội dung phù hợp nhưng trình tự trình bày không hợp lý; hình ảnh, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung; nhiều hạn chế trong việc sử dụng được máy tính	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đáp ứng yêu cầu hay không đúng với nội dung báo cáo
	<b>Biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh (20%)</b>	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú rất hợp lý; thể hiện việc sử dụng thành thạo biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu,	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh hợp lý; thể hiện việc sử dụng	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh rõ ràng; sử dụng được công cụ	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không rõ	Không có, hoặc biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không đáp ứng yêu cầu, không đúng với nội dung báo cáo

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		hình ảnh; có thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và đời sống	khá thành thạo công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính;	soạn thảo văn bản trên máy tính; có một số lỗi về chính tả.	ràng, có chỗ bị thiếu; sử dụng công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính còn nhiều hạn chế	
<b>Rubric 5: Đánh giá làm việc nhóm</b>	<b>Tổ chức nhóm (30%)</b>	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng, phát huy được thế mạnh từng thành viên	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng của từng thành viên	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, nhưng có phần chưa phù hợp với khả năng của từng thành viên	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên không cụ thể	Không có nhóm hoặc không làm việc nhóm
	<b>Chuyên cần(20%)</b>	Tham gia 90-100 (%)	Tham gia 75-<90 (%)	Tham gia 55-<75 (%)	Tham gia 40-<55 (%)	<40 (%)
	<b>Thảo luận nhóm (30%)</b>	Luôn tham gia thảo luận nhóm; có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các cuộc thảo luận nhóm	Luôn tham gia và có đóng góp tích cực cho các cuộc thảo luận của nhóm	Có tham gia và có đóng góp cho các cuộc thảo luận của nhóm	Thỉnh thoảng có tham gia và ít đóng góp cho thảo luận nhóm	Không tham gia thảo luận nhóm
	<b>Phối hợp nhóm (20%)</b>	Tích cực hợp tác, phối hợp với các thành	Luôn hợp tác, phối hợp với thành viên và	Có hợp tác, phối hợp với thành viên và	Thỉnh thoảng có hợp tác, phối hợp	Không hợp tác và phối hợp nhóm

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		viên và với nhóm; luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	với nhóm; tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	với nhóm; có chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	nhóm; ít chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	
<b>Rubric 6:</b> <b>Tham gia các buổi hướng dẫn làm bài tập lớn theo nhóm của giảng viên</b>	Tổ chức nhóm (20%)	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm tốt	Mỗi thành viên trong nhóm có nhiệm vụ riêng những chưa rõ ràng, chưa thật phù hợp với khả năng của mỗi người; sự phối hợp làm việc chưa thật sự tốt	Trách nhiệm, việc làm của mỗi thành viên nhóm không rõ ràng; không phù hợp với khả năng của mỗi người; chưa có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên	Nhóm bị phá vỡ; các thành viên không được phân công nhiệm vụ; không có liên kết, phối hợp nhóm
	Chuyên cần (10%)	90-100 (%)	75-<90(%)	55-<75(%)	40-<55(%)	<40(%)
	Thảo luận (20%)	Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến rất hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Có tham gia thảo luận nhóm; một số ý kiến đóng góp có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm; ít có ý kiến đóng góp trong nhóm	Không tham gia và không thực hiện thảo luận nhóm

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
Nội dung theo quy định (20%)		Đầy đủ 100% nội dung lập luận theo quy định; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; sử dụng phần mềm lập luận hợp lý	Đầy đủ 100% nội dung lập luận theo quy định; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; có sử dụng phần mềm lập luận nhưng chưa thật hợp lý	Nội dung lập luận đầy đủ theo tiến độ quy định; trình tự lập luận hợp lý; một số kết quả lập luận có sai sót, nhầm lẫn	Nội dung lập luận không đầy đủ (<50%); kết quả lập luận có nhiều sai sót, nhầm lẫn; trình tự các bước lập luận không hợp lý	Không có nội dung lập luận
	Trình bày thuyết minh (15%)	Nội dung rất phù hợp; cấu trúc hợp lý; hình vẽ, bảng biểu, chú thích được trình bày khoa học; sử dụng phần mềm trong thuyết minh hiệu quả	Nội dung phù hợp; cấu trúc thuyết minh rõ ràng; ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu đầy đủ, ít sai sót	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp; tuy nhiên còn một số lỗi chính tả, nhầm lẫn về ghi chú, giải thích các kiến thức, thông số, bảng biểu...	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu; ký hiệu được sử dụng trong thuyết minh không phù hợp	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh sơ sài và quá nhiều sai sót
	Bản file kết quả (15%)	Thể hiện đầy đủ, rất chi tiết và khoa học; sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo; có	Thể hiện đầy đủ, đúng nội dung theo yêu cầu; sắp xếp, trình bày file kết quả hợp lý,	Thể hiện đầy đủ các hình ảnh theo yêu cầu song sắp xếp chưa phù hợp, còn một số lỗi	Thể hiện không đầy đủ, không rõ ràng; chi tiết các thành phần, nội	Không có hoặc file kết quả quá sơ sài; nội dung theo yêu cầu

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và đời sống	đúng thể thức văn bản; ghi chú rõ ràng, chi tiết	nhỏ về trình bày; nội dung file kết quả đúng yêu cầu, ghi chú đầy đủ	dung file kết quả đúng yêu cầu song có nhiều sai sót, chưa đúng về thể thức văn bản; ghi chú không phù hợp	không đúng	

### 8. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, theo lịch trình đã có Trình bày đầy đủ và căn bản nội dung theo yêu cầu của từng buổi học
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia lớp đúng giờ, làm bài tập và các công việc khác theo yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp	Đầy đủ, đúng giờ quy định
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, không làm việc riêng
Quy định về học vụ	
Các quy định khác	

### 9. Thông tin liên hệ

Bộ môn/Khoa phụ trách:	Bộ môn Luật Dân sự, Khoa Luật Dân sự
Văn phòng:	A202, CS Nguyễn Tất Thành
Điện thoại:	02839400989
Người phụ trách:	TS. Nguyễn Xuân Quang
Email:	nxquang@hcmulaw.edu.vn

### 10. Thông tin cán bộ tham gia giảng dạy

**Giảng viên giảng dạy:**



Tên: Nguyễn Xuân Quang		Học vị: Tiến sĩ
Email: nxquang@hcmulaw.edu.vn		Số điện thoại cơ quan: 02839400989
<b>Giảng viên hỗ trợ (trợ giảng):</b>		
Tên:		Học vị:
Email:		Số điện thoại cơ quan:
Cách liên lạc với giảng viên:	<b>Trực tiếp hoặc qua email</b>	

<b>NGƯỜI BIÊN SOẠN</b>	<b>TRƯỞNG BỘ MÔN</b>	<b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA</b>
<b>Nguyễn Xuân Quang</b>	<b>Nguyễn Phương Thảo</b>	<b>Nguyễn Xuân Quang</b>